

Bản án số: 128/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 21 – 7 – 2022.
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Thụy;
2. Bà Trần Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 142/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 204/2022/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Bà T có đơn xin vắng mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Cẩm T và ông Huỳnh L kết hôn năm 2011, hôn nhân tự nguyện lần thứ nhất của cả hai, có đăng ký kết hôn ngày 29/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. nguyên nhân do ông L ham mê cờ bạc, không chăm lo cho vợ con, không phụ tiếp kinh tế để bà T chăm lo cho con. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Hoài Bảo T, sinh ngày 18/10/2011; Huỳnh Hiếu Thảo V, sinh ngày 31/10/2014. Các con hiện đang sống cùng với bà Cẩm T. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung và yêu cầu ông L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Huỳnh L không nộp văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:*

Nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Huỳnh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lý do phải đi làm ăn nên không đến dự tòa được. Ông L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và không có ý kiến trình bày và vắng mặt trong quá trình tố tụng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà H là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Cẩm T đối với ông Huỳnh L. Về con chung: Bà T và ông L có hai con chung là các cháu Huỳnh Hoài Bảo T và Huỳnh Hiếu Thảo V; bà Cẩm T yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Nhận thấy, con chung hiện đang được bà Cẩm T nuôi dưỡng, do đó nhằm đảm bảo ổn định về mặt tinh thần cũng như đảm bảo về quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên đề xuất giao con chung cho bà T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đồng thời chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng của bà Cẩm T, ông L phải cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Cẩm T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, Bị đơn ông L không có văn bản

trình bày ý kiến về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa bà Trần Thị Cẩm T và ông Huỳnh L là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Sau khi nhận được quyết định hoãn phiên tòa, bà T có đơn nộp cho Tòa án với nội dung đề nghị xét xử vắng mặt; ông L không có ý kiến trình bày và vắng mặt trong quá trình tố tụng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông L là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Cẩm T và ông Huỳnh L kết hôn năm 2011, hôn nhân tự nguyện lần thứ nhất của cả hai, có đăng ký kết hôn ngày 29/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. nguyên nhân do ông L ham mê cờ bạc, không chăm lo cho vợ con, không phụ tiếp kinh tế để bà T chăm lo cho con. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L.

Bị đơn là ông Huỳnh L đã được Tòa án nhiều lần triệu tập. Tuy nhiên, ông L không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà Cẩm T và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông L đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên bà Cẩm T và tạo thêm thời gian để vợ chồng ông bà có cơ hội để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà Cẩm T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của bà Cẩm T dành cho ông L đã không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng. Sau khi nhận được quyết định hoãn phiên tòa, bà Cẩm T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà T và ông L không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Cẩm T được ly hôn với ông L.

[2.2] Về con chung: Bà Cẩm T và ông L có hai con con chung chưa thành niên tên Huỳnh Hoài Bảo T, sinh ngày 18/10/2011; Huỳnh Hiếu Thảo V, sinh ngày 31/10/2014. Bà Cẩm T trình bày các con hiện đang sống cùng với bà Cẩm T. Sau khi ly hôn, bà Cẩm T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung và yêu cầu ông L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay các cháu Bảo T, V đều do bà Cẩm T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các cháu Bảo T, V đều thể hiện mong muốn được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, cần ổn định việc nuôi con để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của các con chung, tạo điều kiện cho các cháu phát triển bình thường; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Cẩm T, giao hai con chung của bà Cẩm T và ông L là các cháu Huỳnh Hoài Bảo T; Huỳnh Hiếu Thảo V cho bà Cẩm T tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà Cẩm T và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông L được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Việc nuôi con không cố định.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Đây là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Nguyên đơn bà Cẩm T yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con; Để đảm bảo cho điều kiện học tập, sinh sống hai cháu Bảo T, V, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình buộc ông Huỳnh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương tối thiểu là 745.000đ/tháng/cháu, thực hiện từ ngày 21/7/2022 đến khi các con chung trưởng thành. Mức cấp dưỡng sẽ được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Cẩm T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do bị đơn ông L cũng không có ý kiến về việc phân chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Cẩm T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí Dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 179; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Cẩm T và bị đơn ông L.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cẩm T. Bà Trần Thị Cẩm T được ly hôn với ông Huỳnh L.

2. Về con chung: Bà Cẩm T và ông L có hai con con chung chưa thành niên tên Huỳnh Hoài Bảo T, sinh ngày 18/10/2011; Huỳnh Hiếu Thảo V, sinh ngày 31/10/2014.

Bà Cẩm T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là các cháu Huỳnh Hoài Bảo T, sinh ngày 18/10/2011; Huỳnh Hiếu Thảo V, sinh ngày 31/10/2014.

Bà Cẩm T cùng các thành viên trong gia đình của mình phải tạo điều kiện cho ông L được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng số tiền 745.000đ/tháng/01 con chung, thực hiện từ ngày 21/7/2022 đến khi các con chung trưởng thành.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Cẩm T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Án phí được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001139 ngày 01/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, bà T phải nộp bổ sung số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- UBND xã H,
huyện N, tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Minh Trang